BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 72/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA
ĐẾN Số: 2238
Ngày: 11.7.16
Chuyển:

THÔNG TƯ

Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ việc làm

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ việc làm, như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Phí dịch vụ việc làm hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với việc tư vấn, giới thiệu, cung ứng lao động theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm, Nghị định số 52/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

2. Đối tượng nộp phí là người lao động hoặc người sử dụng lao động có nhu cầu tư vấn, giới thiệu, cung ứng lao động thông qua tổ chức giới thiệu việc làm.

3. Tổ chức giới thiệu việc làm được thu phí dịch vụ việc làm theo quy định tại Thông tư này bao gồm: Trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí dịch vụ việc làm được thực hiện theo Biểu mức thu phí dịch vụ việc làm ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tiền lương theo hợp đồng để làm căn cứ tính phí dịch vụ việc làm gồm tiền lương cấp bậc, chức vụ và phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ (nếu có), không bao gồm: tiền làm thêm giờ, tiền thưởng và các khoản trợ cấp khác, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu của địa phương, tổ chức dịch vụ việc làm quy định mức thu cụ thể đối với từng đối tượng nộp phí cho phù hợp với trình độ của người lao động (lao động phổ thông, lao động có nghề, lao động có trình độ cao đẳng, lao động có trình độ trung cấp, lao động có trình độ đại học...), địa bàn giới thiệu việc làm (trong tỉnh, ngoài tỉnh...), số lượng lao động được giới thiệu..., nhưng không được vượt quá mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Việc thu, nộp phí dịch vụ việc làm

a) Khi đăng ký tư vấn về việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động, người đăng ký tư vấn phải nộp phí dịch vụ việc làm đối với hoạt động tư vấn theo quy định.

b) Phí dịch vụ việc làm đối với hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng lao động chỉ được thanh toán khi tổ chức dịch vụ việc làm thực hiện xong công việc giới thiệu việc làm để người lao động nhận được việc làm.

c) Khi thu phí, tổ chức dịch vụ việc làm phải lập và giao chứng từ thu cho đối tượng nộp phí, như sau:

- Đối với tổ chức dịch vụ việc làm là Trung tâm dịch vụ việc làm, thực hiện lập và giao biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

- Đối với tổ chức dịch vụ việc làm là Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, thực hiện lập và giao hoá đơn cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Việc quản lý, sử dụng phí dịch vụ việc làm

a) Đối với tổ chức dịch vụ việc làm là Trung tâm dịch vụ việc làm: Phí dịch vụ việc làm thu được là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, Trung tâm dịch vụ việc làm được sử dụng toàn bộ (100%) tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc giới thiệu việc làm và thu phí.

b) Đối với tổ chức dịch vụ việc làm là Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm: phí dịch vụ việc làm là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Tiền phí thu được là doanh thu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định. Hàng năm, doanh nghiệp phải thực hiện

quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, dịch vụ việc làm chuyển sang thực hiện giá dịch vụ.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư liên tịch số 95/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 07 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn về phí giới thiệu việc làm.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí dịch vụ việc làm không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- HĐND, Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Kho bạc NN và các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

BIỂU MỨC THU PHÍ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2016/TT-BTC ngày 19/5/2016)

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	
			Trung tâm dịch vụ việc làm	**Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm**
1	**Tư vấn**			
1.1	Cho người lao động	Lần/người	Không thu	Không quá 10.000
1.2	Cho người sử dụng lao động	Lần/người	Không quá 20.000	Không quá 20.000
2	**Dịch vụ việc làm**			
2.1	Cho người lao động	Người được tuyển	Không thu	Không quá 200.000
2.2	Cho người sử dụng lao động	Người được tuyển	Không quá 20% tiền lương 1 tháng lương đầu ghi trong hợp đồng lao động	Không quá 20% tiền lương 1 tháng lương đầu ghi trong hợp đồng lao động
3	**Cung ứng lao động và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động**			
3.1	Cho người lao động	Người được tuyển	Không thu	Không quá 20% tiền lương 1 tháng lương đầu ghi trong hợp đồng lao động
3.2	Cho người sử dụng lao động	Người được tuyển	Không quá 30% tiền lương 1 tháng lương đầu ghi trong hợp đồng lao động	Không quá 30% tiền lương 1 tháng lương đầu ghi trong hợp đồng lao động